CÔNG TY CỔ PHẦN **THỦY ĐIỆN GIA LAI** ***GIA LAI HYDROPOWER*** ***JOINT STOCK COMPANY***	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ***SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM*** ***Independence - Freedom - Happiness***
Số: 24/2026/CBTT-GHC *No:24/2026/CBTT-GHC*	Gia Lai, ngày 25 tháng 08 năm 2026 *Gia Lai, August 25th,2026*

CÔNG BỐ THÔNG TIN
INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi/ *To*: **- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM/** ***Hochiminh Stock Exchange***

1. Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GIA LAI.**
   - *Name of organization:**GIA LAI HYDROPOWER JOINT STOCK COMPANY***
   - Mã chứng khoán/*Stock code*: GHC
   - Địa chỉ/ *Address* : 114 Trường Chinh, Phường Pleiku, tỉnh Gia Lai/*114 Truong Chinh, Pleiku Ward, Gia Lai Province*
   - Điện thoại liên hệ/*Tel:* (+84) 269 3830013 Fax: (+84) 269 3830013
   - Email: thuydiengl@geccom.vn

2. Các nội dung thông tin công bố/*Contents of disclosure*:
   - Báo cáo Tài chính Hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2026/ *Interim consolidated financial statements For the six-month period ended 30 June 2026*
   - Báo cáo Tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2026/*Interim separate financial statements For the six-month period ended 30 June 2026*

3. Các Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty cùng ngày tại đường dẫn: https://ghc.vn/quan-he-co-dong/qhcd-00005 mục Quan hệ Cổ đông – Báo cáo Tài chính kiểm toán - Năm 2026/ *This information has been published at the same day, on https://ghc.vn/quan-he-co-dong/qhcd-00005 section Investor Relations - Information Disclosure - Financial statement - Audited Financial statement – 2026*

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/*We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.*

NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN/
PERSON AUTHORIZED TO DISCLOSE INFORMATION

M.S.D.N: 5900288566 C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GIA LAI P.PLEIKU - T.GIA LAI

NGUYỄN THỊ ĐIỀU

Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026



Shape the future
with confidence

MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Giám đốc	3
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	4 - 5
Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	8 - 9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	12 - 45

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thủy Điện Gia Lai ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Điện Gia Lai và hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ("GCNDKDN") số 5900288566 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (nay là Sở Tài chính) Tỉnh Gia Lai cấp lần đầu ngày 23 tháng 5 năm 2002 và GCNDKDN thay đổi gần nhất lần thứ 17 ngày 5 tháng 6 năm 2026.

Ngoài ra, Công ty cũng nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư ("GCNĐKĐT") như sau:

GCNĐKĐT Số	*Ngày*	*Nội dung*
6131810703	Ngày 19 tháng 12 năm 2002, thay đổi lần 2 vào ngày 13 tháng 10 năm 2015	Do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Gia Lai cấp cho Dự án Nhà Máy Thủy Điện H'Chan tại xã Đê Ar, huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai (nay là xã Lơ Pang, tỉnh Gia Lai) có thời hạn hoạt động là 50 năm kể từ ngày 8 tháng 12 năm 2006, là ngày được cấp có thẩm quyền cho thuê đất.
5122585301	Ngày 15 tháng 1 năm 2007, thay đổi lần 2 vào ngày 13 tháng 10 năm 2015	Do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Gia Lai cấp cho Dự án Nhà Máy Thủy Điện H'Mun tại xã Đê Ar, huyện Mang Yang; xã Bar Măih, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai (nay là xã Lơ Pang, xã Bờ Ngoong, tỉnh Gia Lai) có thời hạn hoạt động là 50 năm kể từ ngày 8 tháng 12 năm 2006, là ngày được cấp có thẩm quyền cho thuê đất.
2326266056	Ngày 10 tháng 8 năm 2018	Do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Thuận (nay là Sở Tài chính Lâm Đồng) cấp cho Dự án Nhà máy điện mặt trời TTC - Hàm Phú 2 tại xã Hàm Phú, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận (nay là Thôn Phú Thắng, xã Hàm Thuận Bắc, tỉnh Lâm Đồng) có thời hạn hoạt động là 50 năm kể từ ngày 16 tháng 7 năm 2018 theo Quyết định chủ trương đầu tư số 1820/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Thuận.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết và giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") theo Quyết định số 1262/QĐ-SGDHCM ngày 31 tháng 12 năm 2025 và Thông báo 174/TB-SGDHCM ngày 22 tháng 1 năm 2026 của HOSE. Mã chứng khoán là GHC.

Hoạt động chính hiện tại của Công ty là đầu tư xây dựng công trình thủy điện, điện mặt trời vừa và nhỏ; sản xuất, truyền tải và phân phối điện; và cung cấp hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 114 Trường Chinh, Phường Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam. Công ty có một chi nhánh là Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai – Chi nhánh TTC Bình Thuận tại Thôn Phú Thắng, Xã Hàm Thuận Bắc, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Phong Phú	Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 28 tháng 5 năm 2026
Bà Nguyễn Thái Hà	Chủ tịch	miễn nhiệm ngày 28 tháng 5 năm 2026
Bà Nguyễn Thái Hà	Thành viên	bổ nhiệm ngày 28 tháng 5 năm 2026
Ông Võ Hoàng Vinh	Thành viên độc lập	
Ông Phạm Thành Tuấn Anh	Thành viên	
Ông Nguyễn Phong Phú	Thành viên	miễn nhiệm ngày 28 tháng 5 năm 2026
Ông Lê Thái Bình	Thành viên	

ỦY BAN KIỂM TOÁN

Thành viên Ban Kiểm toán nội bộ trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Võ Hoàng Vinh	Chủ tịch
Ông Phạm Thành Tuấn Anh	Thành viên
Ông Lê Thái Bình	Thành viên

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Danh Bảo	Giám đốc
Bà Châu Tiểu Phụng	Phó Giám đốc
Ông Lê Quang Quốc Dũng	Phó Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này là Ông Trần Danh Bảo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con (sau đây được gọi chung là "Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Ban Giám đốc:

Ngày 20 tháng 8 năm 2026

GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 5900288566 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GIA LAI
P.PLEIKU - T.GIA LAI

Trần Danh Bảo

Ernst & Young Vietnam Limited
2 Hai Trieu Street, Sai Gon Ward
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Email: eyhcmc@vn.ey.com
Website (EN): ey.com/en_vn
Website (VN): ey.com/vi_vn

Shape the future
with confidence

Số tham chiếu: 13896419/E-69399419-HN/LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai ("Công ty") và các công ty con (sau đây gọi chung là "Nhóm Công ty") được lập ngày 20 tháng 8 năm 2026 và được trình bày từ trang 6 đến trang 45, bao gồm báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Nhóm Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

A member firm of Ernst & Young Global Limited

Shape the future
with confidence

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2026, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 20 tháng 8 năm 2026

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

CÔNG TY TNHH ERNST & YOUNG VIỆT NAM

Hàng Nhật Quang
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1772-2023-004-1

A member firm of Ernst & Young Global Limited

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**364.650.004.994**	**275.942.109.000**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	***110***	***5***	***13.919.662.727***	***17.729.651.553***
1. Tiền	111		8.919.662.727	4.729.651.553
2. Các khoản tương đương tiền	112		5.000.000.000	13.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	***120***		***189.000.000.000***	***176.000.000.000***
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	6	189.000.000.000	176.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	***130***		***154.045.383.377***	***75.457.185.356***
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	43.691.625.372	72.604.461.055
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		875.758.005	1.318.183.110
3. Phải thu ngắn hạn khác	135	8	109.478.000.000	1.534.541.191
IV. Hàng tồn kho	***140***		***7.007.420.934***	***6.294.447.895***
1. Hàng tồn kho	141	9	7.007.420.934	6.294.447.895
V. Tài sản ngắn hạn khác	***160***		***677.537.956***	***460.824.196***
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	10	645.325.201	460.824.196
2. Thuế GTGT được khấu trừ	162		1.895.373	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	16	30.317.382	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**1.221.948.955.378**	**1.248.194.883.522**
I. Các khoản phải thu dài hạn	***210***		***1.742.469.733***	***16.742.469.733***
1. Phải thu dài hạn khác	215	8	1.742.469.733	16.742.469.733
II. Tài sản cố định	***220***		***660.362.028.057***	***691.402.158.636***
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	643.329.296.682	674.119.394.685
Nguyên giá	222		1.317.946.851.751	1.317.946.851.751
Giá trị khấu hao lũy kế	223		(674.617.555.069)	(643.827.457.066)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	17.032.731.375	17.282.763.951
Nguyên giá	228		22.239.570.976	22.239.570.976
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.206.839.601)	(4.956.807.025)
III. Tài sản dở dang dài hạn	***250***		***16.435.185***	***-***
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252		16.435.185	-
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	***260***		***558.429.252.496***	***537.868.803.982***
1. Đầu tư góp vốn công ty liên kết	262	13	478.429.252.496	457.868.803.982
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	265	6	80.000.000.000	80.000.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	***270***		***1.398.769.907***	***2.181.451.171***
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	10	1.398.769.907	2.181.451.171
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280 = 100 + 200)	**280**		**1.586.598.960.372**	**1.524.136.992.522**

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
C. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**353.530.126.726**	**388.412.299.060**
I. Nợ ngắn hạn	***310***		***96.748.481.833***	***88.987.299.060***
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	5.003.846.646	673.449.121
2. Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313	15	3.706.357.226	3.748.218.026
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	16	12.259.204.964	26.403.549.164
4. Phải trả người lao động	315		-	253.093.804
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	316		1.936.835.033	974.918.276
6. Phải trả ngắn hạn khác	320		188.453.379	661.533.084
7. Vay ngắn hạn	321	17	23.800.000.000	3.300.000.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	18	49.853.784.585	52.972.537.585
II. Nợ dài hạn	***330***		***256.781.644.893***	***299.425.000.000***
1. Vay dài hạn	339	17	256.775.000.000	299.425.000.000
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	342	25.3	6.644.893	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**	**19.1**	**1.233.068.833.646**	**1.135.724.693.462**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		476.625.000.000	476.625.000.000
- *Cổ phiếu cổ đông có quyền biểu quyết*	*411a*		*476.625.000.000*	*476.625.000.000*
2. Thặng dư vốn	412		337.979.579.990	337.979.579.990
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		72.419.646.025	72.419.646.025
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		346.024.616.549	248.700.467.447
- *Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước*	*420a*		*248.700.467.447*	*157.943.285.002*
- *Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này*	*420b*		*97.324.149.102*	*90.757.182.445*
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		19.991.082	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	**440**		**1.586.598.960.372**	**1.524.136.992.522**

Phê duyệt, ngày 20 tháng 8 năm 2026

NGƯỜI LẬP KIỂM KẾ TOÁN TRƯỞNG	GIÁM ĐỐC
Nguyễn Tiến Bằng	Trần Danh Bảo

M.S.D.N: 5900288566 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GIA LAI - P.PLEIKU - T.GIA LAI

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu thuần về bán hàng	10	20.1	159.145.885.506	144.272.788.159
2. Giá vốn hàng bán	11	21	64.662.961.088	61.374.140.093
3. Lợi nhuận gộp về bán hàng (20 = 10 - 11)	20		94.482.924.418	82.898.648.066
4. Doanh thu hoạt động tài chính	22	20.2	8.822.148.444	8.885.139.691
5. Chi phí tài chính	23	22	12.553.412.185	12.744.689.752
Trong đó: Chi phí đi vay	*24*		*12.553.412.185*	*12.743.905.812*
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	4.024.419.224	3.526.330.940
7. Phần lãi trong công ty liên kết	27	13	20.560.448.514	32.373.249.457
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + 22 - (23 + 26) + 27}	30		107.287.689.967	107.886.016.522
9. Thu nhập khác	31		418.557.723	-
10. Chi phí khác	32		65.045.412	-
11. Lãi khác (40 = 31 - 32)	40		353.512.311	-
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		107.641.202.278	107.886.016.522
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25.1	10.310.417.201	8.149.605.921
14. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	25.3	6.644.893	-
15. Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 – 51 - 52)	60		97.324.140.184	99.736.410.601

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
16. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		97.324.149.102	99.736.410.601
17. Lỗ sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		8.918	-
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	19.5	2.042	2.004
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	19.5	2.042	2.004

Phê duyệt, ngày 20 tháng 8 năm 2026

NGƯỜI LẬP KIỂM KẾ TOÁN TRƯỞNG	GIÁM ĐỐC
Nguyễn Tiến Bằng	Trần Danh Bảo

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**01**		**107.641.202.278**	**107.886.016.522**
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ") hữu hình và hao mòn TSCĐ vô hình	02	11,12	31.040.130.579	31.347.831.308
- Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(847.486)	(3.964.856)
- Lãi từ hoạt động đầu tư, tài chính	05		(29.374.470.112)	(41.253.947.202)
- Chi phí đi vay	06	22	12.553.412.185	12.743.905.812
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	**08**		**121.859.427.444**	**110.719.841.584**
- Giảm các khoản phải thu	09		(63.624.266.332)	10.145.360.359
- Tăng hàng tồn kho	10		(712.973.039)	(1.257.537.353)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		2.842.262.977	(51.730.489)
- Giảm chi phí chờ phân bổ	12		598.180.259	2.342.779.181
- Chi phí đi vay đã trả	14		(12.000.274.560)	(12.907.655.843)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	16	(23.300.456.415)	(13.280.352.239)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(3.118.753.000)	(1.600.122.900)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		**22.543.147.334**	**94.110.582.300**
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21		-	(799.100.000)
2. Tiền chi cho vay	23		(124.500.000.000)	(70.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay	24		111.500.000.000	138.000.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay	27		8.818.701.050	25.694.720.813
Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động đầu tư	**30**		**(4.181.298.950)**	**92.895.620.813**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ nhận vốn góp của cổ đông không kiểm soát	31	19.1	20.000.000	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	17	2.257.218.901	1.623.841.064
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	17	(24.407.218.901)	(62.573.841.064)
4. Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	36		(41.860.800)	(75.482.900)
Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính	**40**		**(22.171.860.800)**	**(61.025.482.900)**
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	**50**		**(3.810.012.416)**	**125.980.720.213**
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	**60**		**17.729.651.553**	**16.247.244.072**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		23.590	3.964.856
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	**70**	**5**	**13.919.662.727**	**142.231.929.141**

Phê duyệt, ngày 20 tháng 8 năm 2026

NGƯỜI LẬP KIỂM KẾ TOÁN TRƯỞNG	GIÁM ĐỐC
Nguyễn Tiến Bằng	Trần Danh Bảo

M.S.D.N:5900288566-C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GIA LAI P.PLEIKU - T.GIA LAI

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Thủy Điện Gia Lai ("Công ty" hoặc "Công ty mẹ") là một công ty cổ phần được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Điện Gia Lai và hoạt động theo GCNDKDN số 5900288566 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp lần đầu ngày 23 tháng 5 năm 2002 và GCNDKDN thay đổi gần nhất lần thứ 17 ngày 5 tháng 6 năm 2026.

Ngoài ra, Công ty cũng nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư ("GCNĐKĐT") như sau:

GCNĐKĐT Số	*Ngày*	*Nội dung*
6131810703	Ngày 19 tháng 12 năm 2002, thay đổi lần 2 vào ngày 13 tháng 10 năm 2015	Do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Gia Lai cấp cho Dự án Nhà Máy Thủy Điện H'Chan tại xã Đê Ar, huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai (nay là xã Lơ Pang, tỉnh Gia Lai) có thời hạn hoạt động là 50 năm kể từ ngày 8 tháng 12 năm 2006, là ngày được cấp có thẩm quyền cho thuê đất.
5122585301	Ngày 15 tháng 1 năm 2007, thay đổi lần 2 vào ngày 13 tháng 10 năm 2015	Do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Gia Lai cấp cho Dự án Nhà Máy Thủy Điện H'Mun tại xã Đê Ar, huyện Mang Yang; xã Bar Măih, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai (nay là xã Lơ Pang, xã Bờ Ngoong, tỉnh Gia Lai) có thời hạn hoạt động là 50 năm kể từ ngày 8 tháng 12 năm 2006, là ngày được cấp có thẩm quyền cho thuê đất.
2326266056	Ngày 10 tháng 8 năm 2018	Do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Thuận (nay là Sở Tài chính Lâm Đồng) cấp cho Dự án Nhà máy điện mặt trời TTC - Hàm Phú 2 tại xã Hàm Phú, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận (nay là Thôn Phú Thắng, xã Hàm Thuận Bắc, tỉnh Lâm Đồng) có thời hạn hoạt động là 50 năm kể từ ngày 16 tháng 7 năm 2018 theo Quyết định chủ trương đầu tư số 1820/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Thuận.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết và giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") theo Quyết định số 1262/QĐ-SGDHCM ngày 31 tháng 12 năm 2025 và Thông báo 174/TB-SGDHCM ngày 22 tháng 1 năm 2026 của HOSE. Mã chứng khoán là GHC.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là đầu tư xây dựng công trình thủy điện, điện mặt trời vừa và nhỏ; sản xuất, truyền tải và phân phối điện; và cung cấp hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 114 Trường Chinh, Phường Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam. Công ty có một chi nhánh là Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai - Chi nhánh TTC Bình Thuận tại Thôn Phú Thắng, Xã Hàm Thuận Bắc, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 là 76 (ngày 31 tháng 12 năm 2025: 71).

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Công ty có một (1) công ty con trực tiếp, hai (2) công ty con gián tiếp và hai (2) công ty liên kết (ngày 31 tháng 12 năm 2025: 2 công ty liên kết), trong đó:

Tên công ty	*Địa chỉ*	*Hoạt động chính*	*Tỷ lệ lợi ích của Công ty (%)*		*Quyền biểu quyết của Công ty (%)*	
			Số cuối kỳ	*Số cuối kỳ*	*Số cuối kỳ*	*Số cuối kỳ*
Công ty con trực tiếp						
Công ty TNHH Năng Lượng GHC ("Năng Lượng GHC") *(i)*	Thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất điện từ nguồn năng lượng tái tạo	99,9732	-	99,9732	-
Công ty con gián tiếp						
Công ty TNHH Điện mặt trời Tân Phú Đông *(ii)*	Tỉnh Đồng Tháp	Sản xuất điện từ nguồn năng lượng tái tạo	99,9732	-	99,9732	-
Công ty TNHH Điện mặt trời Tân Phước *(iii)*	Tỉnh Đồng Tháp	Sản xuất điện từ nguồn năng lượng tái tạo	99,9732	-	99,9732	-

(i) Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 01/2026/NQ-HĐQT ngày 13 tháng 01 năm 2026, Công ty đã thành lập Năng Lượng GHC với vốn điều lệ đăng ký là 300.000.000.000 VND. Tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2026, Công ty đã góp vốn 74.500.000.000 VND, tương ứng với tỷ lệ sở hữu vốn đã góp thực tế là 99,9732% tại Năng Lượng GHC.

(ii) Theo Nghị quyết Hội đồng Thành viên số 02/2026/NQ-HĐTV ngày 10 tháng 02 năm 2026 của Năng Lượng GHC, Năng Lượng GHC đã thành lập Công ty TNHH Điện mặt trời Tân Phú Đông với vốn điều lệ đăng ký là 100.000.000.000 VND. Tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2026, Năng Lượng GHC đã góp vốn 74.000.000.000 VND, tương ứng với tỷ lệ sở hữu vốn đã góp thực tế là 99,9732% tại Công ty TNHH Điện mặt trời Tân Phú Đông.

(iii) Theo Nghị quyết Hội đồng Thành viên số 01/NQ-HĐTV ngày 24 tháng 6 năm 2026 của Công ty TNHH Điện mặt trời Tân Phước, phê duyệt phương án giải thể và không thực hiện góp vốn. Vào 31 tháng 7 năm 2026, Công ty TNHH Điện mặt trời Tân Phước đã chính thức chấm dứt hoạt động và hoàn tất thủ tục giải thể theo Thông báo số 29779/26 của Sở Tài Chính Tỉnh Đồng Tháp.

Ngoài ra, Công ty có 2 công ty liên kết như được trình bày tại Thuyết minh số 13.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") tuân thủ và phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 *Kỳ báo cáo*

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm các báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán.

Số dư các tài khoản trên báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và trong phần vốn chủ sở hữu trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1. Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Nhóm Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến các nghiệp vụ phát sinh từ việc áp dụng lần đầu Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 99") và Thông tư số 43/2026/TT-BTC sửa đổi, bổ sung Thông tư 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất ("Thông tư 43").

3.1.1 Thay đổi chính sách kế toán do áp dụng quy định kế toán mới theo Thông tư 99

Vào ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 99, thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 và một số quy định khác có liên quan. Thông tư 99 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2026.

Nhóm Công ty áp dụng các thay đổi về chính sách kế toán theo quy định tại Thông tư 99 và có ảnh hưởng tới Nhóm Công ty trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 99 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này. Nhóm Công ty cũng đã trình bày lại dữ liệu tương ứng đối với một số chỉ tiêu cho phù hợp với cách trình bày theo Thông tư 99, như được trình bày tại Thuyết minh số 29.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.1 Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh (tiếp theo)

3.1.2 Thay đổi chính sách kế toán do áp dụng quy định kế toán mới theo Thông tư 43

Ngày 20 tháng 4 năm 2026, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 43 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, và có hiệu lực áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2026.

Nhóm Công ty áp dụng các thay đổi về chính sách kế toán theo quy định tại Thông tư 43 và có ảnh hưởng tới Nhóm Công ty trên cơ sở hồi tố đơn giản tùy vào khoản mục cụ thể theo hướng dẫn tại điều khoản thực hiện của Thông tư 43. Theo đó, Nhóm Công ty cũng đã báo cáo lại dữ liệu tương ứng đối với một số chỉ tiêu cho phù hợp với cách trình bày theo Thông tư 43 trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kỳ này như được trình bày tại Thuyết minh số 29.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền và không bị hạn chế sử dụng.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty xác định số lượng và tính giá trị hàng xuất kho theo từng lần phát sinh và hạch toán hàng xuất kho trong kỳ với giá trị được xác định như sau:

Công cụ, dụng cụ	Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là khoản dự tính trước phần giá trị bị giảm xuống (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v...) thấp hơn giá trị đã ghi sổ kế toán của hàng tồn kho và nhằm bù đắp các khoản thiệt hại thực tế xảy ra do nguyên vật liệu, hàng hóa tồn kho khác bị giảm giá. Nhóm Công ty thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho khi có bằng chứng cho thấy giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn so với giá gốc của hàng tồn kho.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cấn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản hữu hình bao gồm những tài sản có hình thái vật chất do doanh nghiệp nắm giữ để sử dụng cho hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến vị trí và trạng thái cần thiết để tài sản đó có khả năng hoạt động theo cách thức dự định của Nhóm Công ty.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.6 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào vào trạng thái có khả năng hoạt động theo cách thức dự định của Nhóm Công ty.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ khi Công ty nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

3.8 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình tài sản vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Quyền sử dụng đất	32 - 43 năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 30 năm
Máy móc thiết bị	3 - 25 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 30 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 8 năm
Phần mềm máy tính	3 năm
Khác	2 - 19 năm

Quyền sử dụng đất không thời hạn không cần trích khấu hao.

Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng phù hợp với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban Nhân dân tỉnh Gia Lai cấp ngày 7 tháng 10 năm 2010, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Thuận cấp ngày 30 tháng 12 năm 2019 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Gia Lai cấp ngày 8 tháng 11 năm 2019.

TSCĐ hữu hình được bắt đầu trích khấu hao ngay khi tài sản bắt đầu có khả năng sử dụng hữu ích. TSCĐ vô hình được bắt đầu trích khấu hao từ khi đưa vào sử dụng.

3.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

Các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay (ngoài lãi vay phải trả), như chi phí thẩm định, kiểm toán, lập hồ sơ vay vốn, chi phí thu xếp khoản vay,... được phân bổ dần theo thời hạn của khoản vay theo phương pháp đường thẳng.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ bao gồm các chi phí chờ phân bổ ngắn hạn hoặc chi phí chờ phân bổ dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí chờ phân bổ dài hạn liên quan đến hoạt động kinh doanh trong nhiều kỳ kế toán để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

- Công cụ, dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa tài sản, cải tạo văn phòng liên quan đến hoạt động kinh doanh trong nhiều kỳ kế toán;
- Chi phí bảo hiểm; và
- Chi phí chờ phân bổ khác.

3.11 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà Công ty đã loại trừ ra khỏi báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày theo giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm Công ty. Thông thường, Nhóm Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Nhóm Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Phần sở hữu của Nhóm Công ty trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được/Lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được cấn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Nhóm Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn một phần hoặc toàn bộ giá trị của khoản đầu tư (bao gồm cả các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, nếu có) bị suy giảm giá trị hoặc không thu hồi được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.12 Các khoản phải trả

Các khoản phải trả bao gồm khoản nợ phải trả của Nhóm Công ty cho người bán vật tư, hàng hóa, người cung cấp dịch vụ.

3.13 Các khoản chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có đủ chứng từ, hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

3.14 Các khoản dự phòng

Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

3.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế hoặc tỷ giá ghi sổ tùy theo nội dung và bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh và nguyên tắc áp dụng tỷ giá hối đoái tại ngày theo nguyên tắc sau:

Tỷ giá giao dịch thực tế

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Nhóm Công ty VND được lựa chọn tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày giao dịch là tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch.

Tỷ giá ghi sổ

Tỷ giá ghi sổ bao gồm tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh hoặc tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền. Việc áp dụng tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh hay tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền tùy theo đặc điểm và yêu cầu quản lý các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của Nhóm Công ty.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 *Vốn góp cổ phần*

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết được ghi nhận theo mệnh giá.

Thặng dư vốn

Thặng dư vốn phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu trừ đi chi phí phát hành cổ phiếu thực tế phát sinh tương ứng với số cổ phiếu phát hành thành công. Phần chi phí phát hành cổ phiếu không thành công được ghi nhận vào chi phí tài chính.

3.17 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên:

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được ghi nhận như là một khoản nợ phải trả trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ.

3.18 *Lãi trên cổ phiếu*

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.19 *Thông tin theo bộ phận*

Hoạt động chính của Nhóm Công ty là đầu tư xây dựng công trình thủy điện, điện mặt trời vừa và nhỏ; sản xuất, truyền tải và phân phối điện; và cung cấp hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhóm Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Nhóm Công ty sản xuất ra hoặc do Nhóm Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Giám đốc nhận định là Nhóm Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Nhóm Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.20 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận dựa trên sản lượng điện cung cấp vào hệ thống truyền tải điện và có xác nhận của khách hàng.

Doanh thu từ tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

3.21 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Nhóm Công ty.

3.22 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Nhóm Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.22 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ :

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.23 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG KỲ

4.1 *Góp vốn thành lập công ty con*

Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 01/2026/NQ-HĐQT ngày 13 tháng 01 năm 2026, Công ty đã thành lập Năng Lượng GHC với vốn điều lệ đăng ký là 300.000.000.000 VND. Tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2026, Công ty đã góp vốn 74.500.000.000 VND, tương ứng với tỷ lệ sở hữu vốn đã góp thực tế là 99,9732% tại Năng Lượng GHC.

Theo Nghị quyết Hội đồng Thành viên số 02/2026/NQ-HĐTV ngày 10 tháng 02 năm 2026 của Năng Lượng GHC, Năng Lượng GHC đã thành lập Công ty TNHH Điện mặt trời Tân Phú Đông với vốn điều lệ đăng ký là 100.000.000.000 VND. Tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2026, Năng Lượng GHC đã góp vốn 74.000.000.000 VND, tương ứng với tỷ lệ sở hữu vốn đã góp thực tế là 99,9732% tại Công ty TNHH Điện mặt trời Tân Phú Đông.

Kể từ ngày hoàn tất giao dịch góp vốn, Năng Lượng GHC và công ty con trực thuộc là Công ty TNHH Điện mặt trời Tân Phú Đông trở thành các công ty con của Công ty.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

VND

	Số cuối kỳ	*Số đầu kỳ*
Các khoản tiền và tương đương tiền doanh nghiệp đang nắm giữ nhưng không bị hạn chế sử dụng		
Tiền mặt	16.052.000	-
Tiền gửi ngân hàng	8.903.610.727	4.729.651.553
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai	*4.757.363.866*	*3.089.570.154*
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần ("TMCP") Phương Đông - Chi nhánh Tân Bình	*2.977.696.465*	*111.875.359*
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Gia Định	*1.033.457.241*	*895.372.240*
- Khác	*135.093.155*	*632.833.800*
Các khoản tương đương tiền khác *(*)*	5.000.000.000	13.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai	*5.000.000.000*	*10.000.000.000*
- Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Tân Bình	-	*3.000.000.000*
TỔNG CỘNG	**13.919.662.727**	**17.729.651.553**

(*) Khoản tương đương tiền bao gồm khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai có kỳ hạn gốc trong vòng 1 tháng với lãi 4.75%/năm.

6. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

VND

	Số cuối kỳ			*Số đầu kỳ*		
	Giá gốc	*Giá trị có thể thu hồi*	*Giá trị dự phòng*	*Giá gốc*	*Giá trị có thể thu hồi*	*Giá trị dự phòng*
Ngắn hạn	**189.000.000.000**	**189.000.000.000**	**-**	**176.000.000.000**	**176.000.000.000**	**-**
Cho vay bên liên quan *(i) (Thuyết minh số 26)*	189.000.000.000	189.000.000.000	-	176.000.000.000	176.000.000.000	-
Dài hạn	**80.000.000.000**	**80.000.000.000**	**-**	**80.000.000.000**	**80.000.000.000**	**-**
Cho vay bên liên quan *(ii) (Thuyết minh số 26)*	80.000.000.000	80.000.000.000	-	80.000.000.000	80.000.000.000	-
TỔNG CỘNG	**269.000.000.000**	**269.000.000.000**	**-**	**256.000.000.000**	**256.000.000.000**	**-**

(i) Chi tiết số dư cuối kỳ của các khoản cho vay bên liên quan ngắn hạn như sau:

VND

	Số cuối kỳ	*Lãi suất*	*Hình thức đảm bảo*
Công ty Cổ phần Năng lượng VPL	68.000.000.000	7%	Tín chấp
Công ty Cổ phần Hợp Tác Phát Triển Năng Lượng Tái Tạo VIJA	54.500.000.000	7%	Tín chấp
Công ty Cổ phần Điện TTC Đức Huệ - Long An	36.000.000.000	7%	Tín chấp
Công ty Cổ phần Năng Lượng Điện Cao Nguyên	22.500.000.000	7%	Tín chấp
Công ty Cổ phần Nhà Máy Điện Mặt Trời Trúc Sơn	8.000.000.000	7%	Tín chấp
TỔNG CỘNG	**189.000.000.000**		

6. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN (tiếp theo)

(ii) Chi tiết số dư cuối kỳ của các khoản cho vay dài hạn như sau:

VND

	Số cuối kỳ	*Lãi suất*	*Hình thức đảm bảo*
Công ty Cổ phần Nhà Máy Điện Mặt Trời Trúc Sơn	80.000.000.000	8%	Tín chấp

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

VND

	Số cuối kỳ		*Số đầu kỳ*	
	Giá trị ghi sổ	*Giá trị dự phòng*	*Giá trị ghi sổ*	*Giá trị dự phòng*
Phải thu từ các bên khác				
Công ty Mua Bán Điện	*29.620.252.358*	-	*24.528.212.352*	-
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	*13.306.599.649*	-	*47.571.824.571*	-
Khách hàng khác	*764.773.365*	-	*504.424.132*	-
TỔNG CỘNG	**43.691.625.372**	-	**72.604.461.055**	-

8. PHẢI THU KHÁC

VND

	Số cuối kỳ		*Số đầu kỳ*	
	Giá trị ghi sổ	*Giá trị dự phòng*	*Giá trị ghi sổ*	*Giá trị dự phòng*
Ngắn hạn	**109.478.000.000**	-	**1.534.541.191**	-
Tạm ứng cho nhân viên *(i)*	92.958.000.000	-	-	-
Đặt cọc *(ii)*	15.020.000.000	-	20.000.000	-
Khác	1.500.000.000		1.514.541.191	-
Dài hạn	**1.742.469.733**	-	**16.742.469.733**	-
Tạm ứng cho nhân viên *(i)*	1.742.469.733	-	1.742.469.733	-
Đặt cọc	-	-	15.000.000.000	-
TỔNG CỘNG	**111.220.469.733**	-	**18.277.010.924**	-

(i) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Nhóm Công ty có một số khoản tạm ứng nhân viên có giá trị lớn phục vụ công tác chuẩn bị và triển khai các dự án điện năng lượng tái tạo. Các khoản tạm ứng chủ yếu liên quan đến chi phí khảo sát, nghiên cứu, pháp lý, thiết kế, lập hồ sơ, đặt cọc và các hoạt động chuẩn bị đầu tư khác.

Các khoản tạm ứng trên không phát sinh lãi và đang được theo dõi, quyết toán theo tiến độ triển khai của các dự án. Tại ngày lập báo cáo tài chính, Nhóm Công ty đánh giá các khoản tạm ứng này có khả năng thu hồi đầy đủ thông qua hoàn ứng hoặc quyết toán vào chi phí đầu tư phù hợp khi các hồ sơ liên quan được hoàn thiện.

(ii) Bao gồm khoản đặt cọc cho cá nhân số tiền 15.000.000.000 VND nhằm đảm bảo việc nhận chuyển nhượng cổ phần của một công ty dự án nhà máy năng lượng mặt trời.

9. HÀNG TỒN KHO

VND

	Số cuối kỳ		*Số đầu kỳ*	
	Giá gốc	*Dự phòng*	*Giá gốc*	*Dự phòng*
Công cụ, dụng cụ	4.626.955.399	-	3.786.678.860	-
Nhiên liệu, thiết bị và phụ tùng thay thế	2.380.465.535	-	2.507.769.035	-
TỔNG CỘNG	**7.007.420.934**	**-**	**6.294.447.895**	**-**

10. CHI PHÍ CHỜ PHÂN BỔ

VND

	Số cuối kỳ	*Số đầu kỳ*
Ngắn hạn	**645.325.201**	**460.824.196**
Chi phí bảo hiểm	545.183.507	182.426.910
Khác	100.141.694	278.397.286
Dài hạn	**1.398.769.907**	**2.181.451.171**
Chi phí sửa chữa và bảo dưỡng	659.127.752	1.099.629.254
Chi phí bảo hiểm	571.363.726	993.677.115
Công cụ, dụng cụ	168.278.429	88.144.802
TỔNG CỘNG	**2.044.095.108**	**2.642.275.367**

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	*Máy móc, thiết bị*	*Phương tiện vận tải, truyền dẫn*	*Thiết bị quản lý*	*Tài sản khác*	*Tổng cộng*
Nguyên giá:						
Số đầu kỳ và số cuối kỳ	421.960.274.528	775.212.877.222	53.528.863.438	3.297.092.590	63.947.743.973	1.317.946.851.751
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	*34.023.986.178*	*8.098.465.948*	*3.506.598.269*	*997.626.005*	*17.698.854.195*	*64.325.530.595*
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Số đầu kỳ	(230.024.204.265)	(340.714.322.825)	(20.437.572.479)	(2.315.903.948)	(50.335.453.549)	(643.827.457.066)
Khấu hao trong kỳ	(8.494.173.108)	(19.469.599.725)	(1.157.087.616)	(186.275.532)	(1.482.962.022)	(30.790.098.003)
Số cuối kỳ	(238.518.377.373)	(360.183.922.550)	(21.594.660.095)	(2.502.179.480)	(51.818.415.571)	(674.617.555.069)
Giá trị còn lại:						
Số đầu kỳ	191.936.070.263	434.498.554.397	33.091.290.959	981.188.642	13.612.290.424	674.119.394.685
Số cuối kỳ	183.441.897.155	415.028.954.672	31.934.203.343	794.913.110	12.129.328.402	643.329.296.682
Trong đó:						
Tài sản cầm cố, thế chấp (Thuyết minh số 17.1) (*)	*156.997.582.388*	*388.407.131.361*	*31.854.359.870*	*131.263.935*	*11.636.327.815*	*589.026.665.369*

(*) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, TSCĐ hữu hình tại Nhà máy Thủy điện H'Chan với tổng giá trị còn lại là 11.380.606.830 VND đang được dùng để làm tài sản thế chấp cho khoản phát hành trái phiếu của Công ty Cổ phần Điện Gia Lai ("Công ty mẹ").

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Nhóm Công ty có một số tài sản cố định hữu hình có giá trị lớn như sau:

VND

	Số cuối kỳ	*Số đầu kỳ*
	Nguyên giá	*Nguyên giá*
Tài sản cố định hữu hình đang hiện hữu		
Hệ thống khung thép PV - Hàm Phú 2	157.678.965.718	157.678.965.718
Hệ thống tấm pin năng lượng mặt trời – Hàm Phú 2	404.997.182.477	404.997.182.477

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

VND

	Quyền sử dụng đất	*Phần mềm máy tính*	*Tổng cộng*
Nguyên giá:			
Số đầu kỳ và cuối kỳ	20.980.986.631	1.258.584.345	22.239.570.976
Trong đó:			
Đã hao mòn hết	-	*1.258.584.345*	*1.258.584.345*
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số đầu kỳ	(3.698.222.680)	(1.258.584.345)	(4.956.807.025)
Hao mòn trong kỳ	(250.032.576)	-	(250.032.576)
Số cuối kỳ	(3.948.255.256)	(1.258.584.345)	(5.206.839.601)
Giá trị còn lại:			
Số đầu kỳ	17.282.763.951	-	17.282.763.951
Số cuối kỳ	17.032.731.375	-	17.032.731.375
Trong đó:			
Tài sản cầm cố, thế chấp (Thuyết minh số 17.1)	*15.677.133.319*	-	*15.677.133.319*

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Nhóm Công ty có một số tài sản cố định vô hình có giá trị lớn như sau:

VND

	Số cuối kỳ	*Số đầu kỳ*
	Nguyên giá	*Nguyên giá*
Tài sản cố định vô hình đang hiện hữu		
Quyền sử dụng đất - Hàm Phú 2	19.087.597.431	19.087.597.431

13. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Công ty có 2 công ty liên kết như sau (ngày 31 tháng 12 năm 2025: 2):

Công ty	*Địa chỉ*	*Hoạt động chính*	*Số đầu kỳ và cuối kỳ*	
			Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết (%)	*Giá trị gốc (VND)*
Công ty Cổ phần Năng lượng VPL ("Năng lượng VPL")	Tỉnh Vĩnh Long	Sản xuất và phân phối điện	29,72	250.000.000.000
Công ty Cổ phần Điện gió la Bang ("Điện gió la Bang")	Tỉnh Gia Lai	Sản xuất và phân phối điện	39,53	170.000.000.000
TỔNG CỘNG				**420.000.000.000**

Chi tiết giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết này trong kỳ hiện tại như sau:

VND

	Năng lượng VPL	*Điện gió la Bang*	*Tổng cộng*
Nguyên giá:			
Số đầu kỳ và số cuối kỳ	250.000.000.000	170.000.000.000	420.000.000.000
Phần lũy kế lợi nhuận sau khi mua công ty liên kết:			
Số đầu kỳ	8.040.758.285	29.828.045.697	37.868.803.982
Phần lợi nhuận từ công ty liên kết trong kỳ	4.920.480.802	15.639.967.712	20.560.448.514
Số cuối kỳ	12.961.239.087	45.468.013.409	58.429.252.496
Giá trị còn lại:			
Số đầu kỳ	258.040.758.285	199.828.045.697	457.868.803.982
Số cuối kỳ	262.961.239.087	215.468.013.409	478.429.252.496

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

VND

	Số cuối kỳ		*Số đầu kỳ*	
	Giá trị	*Số có khả năng trả nợ*	*Giá trị*	*Số có khả năng trả nợ*
Phải trả cho các bên khác				
Công ty TNHH MTV Xây dựng Nhật Quang	*4.911.884.624*	*4.911.884.624*	*526.149.073*	*526.149.073*
Nhà cung cấp khác	*91.962.022*	*91.962.022*	*147.300.048*	*147.300.048*
TỔNG CỘNG	**5.003.846.646**	**5.003.846.646**	**673.449.121**	**673.449.121**

15. PHẢI TRẢ VỀ CỔ TỨC

VND

Lợi nhuận thuộc năm tài chính	*Thời hạn chi trả (*)*	*Số cuối kỳ*	*Số đầu kỳ*
Từ năm 2009 đến 2024		3.527.135.226	3.572.052.026
2025		179.222.000	176.166.000
TỔNG CỘNG		**3.706.357.226**	**3.748.218.026**
Trong đó:			
Trong thời hạn chi trả		*179.222.000*	*176.166.000*
Quá thời hạn chi trả		*3.527.135.226*	*3.572.052.026*

(*) Số dư phải trả cổ tức tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 chủ yếu là các khoản cổ tức của các năm trước chưa được chi trả cho một số cổ đông nhỏ lẻ do các cổ đông này chưa cung cấp đầy đủ thông tin để nhận cổ tức.

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

VND

	Số đầu kỳ	*Tăng trong kỳ*	*Giảm trong kỳ*	*Số cuối kỳ*
Phải nộp				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	22.851.105.588	10.335.480.465	(23.300.456.415)	9.886.129.638
Thuế giá trị gia tăng	1.305.089.186	12.225.839.563	(12.407.414.724)	1.123.514.025
Thuế tài nguyên	2.025.208.455	3.326.594.860	(4.996.596.014)	355.207.301
Thuế thu nhập cá nhân	122.145.935	221.077.687	(343.223.622)	-
Thuế khác	100.000.000	1.642.156.055	(847.802.055)	894.354.000
TỔNG CỘNG	**26.403.549.164**	**27.780.361.360**	**(41.924.705.560)**	**12.259.204.964**
Phải thu				
Thuế thu nhập cá nhân	-	30.317.382	-	30.317.382

17. VAY

VND

	Số đầu kỳ		*Số phát sinh trong kỳ*			*Số cuối kỳ*	
	Giá trị	*Số có khả năng trả nợ*	*Tăng*	*Giảm*	*Phân loại lại*	*Giá trị*	*Số có khả năng trả nợ*
Ngắn hạn	**3.300.000.000**	**3.300.000.000**	**2.257.218.901**	**(24.407.218.901)**	**42.650.000.000**	**23.800.000.000**	**23.800.000.000**
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn phải trả *(Thuyết minh số 17.1)*	3.300.000.000	3.300.000.000	-	(22.150.000.000)	42.650.000.000	23.800.000.000	23.800.000.000
Vay ngân hàng	-	-	2.257.218.901	(2.257.218.901)	-	-	-
Dài hạn	**299.425.000.000**	**299.425.000.000**	**-**	**-**	**(42.650.000.000)**	**256.775.000.000**	**256.775.000.000**
Vay ngân hàng *(Thuyết minh số 17.1)*	299.425.000.000	299.425.000.000	-	-	(42.650.000.000)	256.775.000.000	256.775.000.000
TỔNG CỘNG	**302.725.000.000**	**302.725.000.000**	**2.257.218.901**	**(24.407.218.901)**	**-**	**280.575.000.000**	**280.575.000.000**

17.1 Vay ngân hàng dài hạn

Chi tiết các khoản vay ngân hàng dài hạn được trình bày như sau:

Ngân hàng	*Số cuối kỳ VND*	*Kỳ hạn trả nợ gốc*	*Lãi suất (%/ năm)*	*Hình thức đảm bảo*	*Mục đích vay*
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam ("Vietcombank") - Chi nhánh Gia Lai	271.500.000.000	Theo lịch trả nợ của hợp đồng và kết thúc vào ngày 29 tháng 1 năm 2030	(*)	TSCĐ hữu hình và quyền sử dụng đất của nhà máy điện mặt trời TTC - Hàm Phú 2 *(Thuyết minh số 11)*	Đầu tư vào dự án Nhà máy Điện mặt trời TTC - Hàm Phú 2
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV") - Chi nhánh Gia Định	9.075.000.000	Theo lịch trả nợ của hợp đồng và kết thúc vào ngày 25 tháng 3 năm 2029	(**)	TSCĐ hữu hình của các dự án điện mặt trời áp mái Hậu Giang 3, Đại Ân 3, Bàu Cạn 2; quyền sử dụng đất của dự án Bàu Cạn 2 *(Thuyết minh số 11)*; và tài sản của các đối tượng kinh doanh	Đầu tư vào dự án Điện mặt trời áp mái Hậu Giang 3, Bàu Cạn 2, và Đại Ân 3
TỔNG CỘNG	**280.575.000.000**				
Trong đó:					
Vay dài hạn đến hạn phải trả	*23.800.000.000*				
Vay dài hạn	*256.775.000.000*				

17. VAY (tiếp theo)

17.1 *Vay ngân hàng dài hạn* (tiếp theo)

(*) Lãi suất 7,8%/năm được cố định trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Trong những năm tiếp theo, lãi suất được điều chỉnh 3 tháng/lần theo lãi suất tiết kiệm với thời hạn 12 tháng bằng Đồng Việt Nam do Vietcombank - Chi nhánh Gia Lai thông báo cộng biên lãi suất 2,6%/năm. Lãi suất tại thời điểm cuối kỳ là 8,5%/năm (tại thời điểm đầu kỳ là: 7,8%/năm).

(**) Lãi suất được điều chỉnh định kỳ 6 tháng/lần theo lãi suất do BIDV - Chi nhánh Gia Định thông báo. Lãi suất tại thời điểm cuối kỳ là 8,9%/ năm (tại thời điểm đầu kỳ là: 8,4%/năm).

18. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

VND

	Kỳ này	*Kỳ trước*
Số đầu kỳ	52.972.537.585	46.244.202.831
Trừ: Sử dụng quỹ	(3.118.753.000)	(1.643.877.000)
Số cuối kỳ	**49.853.784.585**	**44.600.325.831**

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 *Tình hình tăng, (giảm) nguồn vốn chủ sở hữu*

VND

	Vốn cổ phần	*Thặng dư vốn cổ phần*	*Quỹ đầu tư phát triển*	*Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối*	*Lợi ích cổ đông không kiểm soát*	*Tổng cộng*
Kỳ trước						
Số đầu kỳ	476.625.000.000	337.979.579.990	72.419.646.025	157.943.285.002	-	1.044.967.511.017
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	99.736.410.601	-	99.736.410.601
Số cuối kỳ	476.625.000.000	337.979.579.990	72.419.646.025	257.679.695.603	-	1.144.703.921.618
Kỳ này						
Số đầu kỳ	476.625.000.000	337.979.579.990	72.419.646.025	248.700.467.447	-	1.135.724.693.462
Lợi nhuận (lỗ) thuần trong kỳ	-	-	-	97.324.149.102	(8.918)	97.324.140.184
Góp vốn từ cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	20.000.000	20.000.000
Số cuối kỳ	476.625.000.000	337.979.579.990	72.419.646.025	346.024.616.549	19.991.082	1.233.068.833.646

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

19.2 *Vốn cổ phần*

	Số cuối kỳ		*Số đầu kỳ*	
	Số lượng cổ phiếu	*Tỷ lệ sở hữu*	*Số lượng cổ phiếu*	*Tỷ lệ sở hữu*
	(Cổ phiếu)	*(%)*	*(Cổ phiếu)*	*(%)*
Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	29.804.891	62,53	29.804.891	62,53
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	1.350.000	2,83	1.350.000	2,83
Các cổ đông khác	16.507.609	34,64	16.507.609	34,64
TỔNG CỘNG	**47.662.500**	**100**	**47.662.500**	**100**

19.3 *Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức*

VND

	Kỳ này	*Kỳ trước*
Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu		
Số đầu kỳ và cuối kỳ	476.625.000.000	476.625.000.000

19.4 *Cổ phiếu*

	Số lượng	
	Số cuối kỳ	*Số đầu kỳ*
Cổ phiếu đăng ký phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	*47.662.500*	*47.662.500*
Cổ phiếu bán ra công chúng		
Cổ phiếu phổ thông	*47.662.500*	*47.662.500*
Cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	*47.662.500*	*47.662.500*

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VND

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

19.5 *Lãi trên cổ phiếu*

Nhóm Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

VND

	Kỳ này	*Kỳ trước (điều chỉnh lại)*
Lợi nhuận sau thuế TNDN của công mẹ	97.324.149.102	99.736.410.601
Trừ: Quỹ khen thưởng, phúc lợi *(*)*	-	(4.222.919.260)
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	97.324.149.102	95.513.491.341
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân *(cổ phiếu)*	47.662.500	47.662.500
Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu *(VND/cổ phiếu)*	**2.042**	**2.004**

(*) Tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, Nhóm Công ty chưa có quyết định phê duyệt trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2026.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trước đây để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2025 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của Công ty.

20. DOANH THU

20.1 *Doanh thu thuần bán hàng*

VND

	Kỳ này	*Kỳ trước*
Doanh thu bán điện	158.408.476.595	143.423.608.143
Doanh thu khác	737.408.911	849.180.016
TỔNG CỘNG	**159.145.885.506**	**144.272.788.159**

20.2 *Doanh thu hoạt động tài chính*

VND

	Kỳ này	*Kỳ trước*
Lãi cho vay	8.597.150.687	8.497.835.621
Lãi tiền gửi	216.870.911	382.862.124
Khác	8.126.846	4.441.946
TỔNG CỘNG	**8.822.148.444**	**8.885.139.691**
Trong đó		
Doanh thu đối với bên khác	*224.997.757*	*387.304.070*
Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 26)	*8.597.150.687*	*8.497.835.621*

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

VND

	Kỳ này	*Kỳ trước*
Giá vốn bán điện	64.662.961.088	61.374.140.093

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

VND

	Kỳ này	*Kỳ trước*
Chi phí lãi vay	12.553.412.185	12.743.905.812
Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	783.940
TỔNG CỘNG	**12.553.412.185**	**12.744.689.752**

23. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

VND

	Kỳ này	*Kỳ trước*
Chi phí nhân công	1.781.184.095	1.763.536.266
Chi phí dịch vụ mua ngoài	580.216.351	303.800.971
Chi phí vật liệu, đồ dùng quản lý	215.458.599	127.872.453
Chi phí khấu hao và hao mòn	58.683.528	58.683.522
Chi phí khác	1.388.876.651	1.272.437.728
TỔNG CỘNG	**4.024.419.224**	**3.526.330.940**

24. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

VND

	Kỳ này	*Kỳ trước*
Chi phí khấu hao và hao mòn	31.040.130.579	31.347.831.308
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.292.038.520	19.017.041.198
Chi phí nhân công	8.014.434.056	7.275.249.736
Chi phí khác	9.340.777.157	7.260.348.791
TỔNG CỘNG	**68.687.380.312**	**64.900.471.033**

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty như sau:

- Mức thuế suất 10% thu nhập chịu thuế áp dụng cho hoạt động kinh doanh bán điện từ các Dự án Nhà máy điện mặt trời ("Các dự án") trong mười lăm (15) năm kể từ năm đầu tiên có doanh thu và thuế suất phổ thông tương ứng cho các năm tiếp theo. Các dự án được miễn thuế TNDN trong bốn (4) năm tính từ năm đầu tiên kinh doanh có lợi nhuận chịu thuế (năm 2019) và được giảm 50% đối với thuế suất TNDN trong chín (9) năm tiếp theo; và
- Mức thuế suất 20% thu nhập chịu thuế áp dụng cho các hoạt động kinh doanh khác.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

25.1 Chi phí thuế TNDN

VND

	Kỳ này	*Kỳ trước*
Chi phí thuế TNDN hiện hành	9.869.576.377	8.149.605.921
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những kỳ trước	440.840.824	-
	10.310.417.201	8.149.605.921
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	6.644.893	-
TỔNG CỘNG	**10.317.062.094**	**8.149.605.921**

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

VND

	Kỳ này	*Kỳ trước*
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**107.641.202.278**	**107.886.016.522**
Các điều chỉnh tăng (giảm) lợi nhuận theo kế toán:		
Chi phí không được trừ	1.778.373.819	1.756.184.289
Lỗ tính thuế chưa ghi nhập tài sản thuế hoãn lại	33.229.416	-
Lợi nhuận chia về từ công ty liên kết	(20.560.448.514)	(32.373.249.457)
Thu nhập chịu thuế ước tính	**88.892.356.999**	**77.268.951.354**
Thuế tính ở thuế suất 20%	7.264.208.912	5.727.783.381
Thuế tính ở thuế suất 10%	5.257.131.244	4.863.003.445
Thuế TNDN	12.521.340.156	10.590.786.826
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những kỳ trước	440.840.824	-
Thuế được giảm	(2.645.118.886)	(2.441.180.905)
Chi phí thuế TNDN	**10.317.062.094**	**8.149.605.921**

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

25.2 *Thuế TNDN hiện hành*

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Nhóm Công ty khác với lợi nhuận kế toán được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

25.3 *Thuế thu nhập hoãn lại*

Nhóm Công ty đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả với các biến động trong kỳ này và kỳ trước như sau:

VND

	Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ		*Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ*	
	Số cuối kỳ	*Số đầu kỳ*	*Kỳ này*	*Kỳ trước*
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư trích lập tại công ty con	6.644.893	-	6.644.893	-
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	***6.644.893***	-		
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại			***6.644.893***	-

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Nhóm Công ty và các bên liên quan khác có giao dịch với Nhóm Công ty trong kỳ và tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 như sau:

Bên liên quan	*Mối quan hệ*
Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Nhà máy Điện Mặt trời Trúc Sơn	Công ty thành viên cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Hợp tác Phát triển Năng lượng Tái tạo VIJA	Công ty thành viên cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Điện TTC Đức Huệ - Long An	Công ty thành viên cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Một thành viên Thủy điện Thượng Lộ	Công ty thành viên cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Năng Lượng Điện Cao Nguyên	Công ty thành viên cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Điện gió Ia Bang	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Năng lượng VPL	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Chè Thành Ngọc	Bên liên quan của cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Tân Định	Bên liên quan của cổ đông lớn
Công ty TNHH Du lịch TTC	Bên liên quan của cổ đông lớn
Công ty TNHH Lữ hành Quốc tế TTC	Bên liên quan của cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Thành Thành Nam	Bên liên quan của cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công	Bên liên quan của cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình	Bên liên quan của cổ đông lớn
Chi nhánh Công ty TNHH Du Lịch Thành Thành Công Lâm Đồng – Khách sạn Ngọc Lan	Bên liên quan của cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Y tế DHA	Bên liên quan của cổ đông lớn

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Ngoài ra, các bên liên quan với Nhóm Công ty cũng bao gồm các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ủy ban Kiểm toán như được trình bày tại phần Thông tin chung của Nhóm Công ty.

Những giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Kỳ này*	*Kỳ trước*
Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	Mua hàng hóa và dịch vụ	8.413.920.000	9.341.505.309
	Nhận chi hộ	73.644.394	47.019.676
	Chi hộ	-	149.722
Công ty Cổ phần Điện TTC Đức Huệ - Long An	Thu hồi cho vay	86.000.000.000	-
	Lãi cho vay	3.354.082.192	-
Công ty Cổ phần Năng lượng VPL	Cho vay	68.000.000.000	-
	Lãi cho vay	13.041.096	394.306.850
	Thu hồi cho vay	-	39.300.000.000
Công ty Cổ phần Hợp tác Phát triển Năng lượng Tái tạo VIJA	Cho vay	25.500.000.000	9.000.000.000
	Lãi cho vay	1.180.972.604	122.794.521
	Thu hồi cho vay	-	9.000.000.000
Công ty Cổ phần Nhà máy Điện Mặt trời Trúc Sơn	Thu hồi cho vay	23.000.000.000	8.000.000.000
	Lãi cho vay	3.454.876.713	5.898.739.728
	Cho vay	16.000.000.000	3.000.000.000
Công ty Cổ phần Năng lượng Điện Cao Nguyên	Cho vay	15.000.000.000	30.000.000.000
	Thu hồi cho vay	2.500.000.000	30.000.000.000
	Lãi cho vay	594.178.082	589.315.068
Công ty Cổ phần Chè Thành Ngọc	Mua hàng hóa và dịch vụ	111.987.777	44.961.280
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Y tế DHA	Mua hàng hóa và dịch vụ	62.520.000	64.370.000
Công ty TNHH Lữ hành Quốc tế TTC	Mua hàng hóa và dịch vụ	52.610.813	48.214.112
Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình	Mua hàng hóa và dịch vụ	37.259.259	14.371.629
Công ty TNHH Du lịch TTC	Mua hàng hóa và dịch vụ	28.618.687	42.992.761
Công ty Cổ phần Thành Thành Nam	Mua hàng hóa và dịch vụ	5.909.091	-
Chi nhánh Công ty TNHH Du Lịch Thành Thành Công Lâm Đồng – Khách sạn Ngọc Lan	Mua hàng hóa và dịch vụ	1.111.111	-

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm (tiếp theo):

VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Kỳ này*	*Kỳ trước*
Công ty TNHH Một thành viên Thủy điện Thượng Lộ	Thu hồi cho vay	-	6.700.000.000
	Lãi cho vay	-	667.638.358
Công ty Cổ phần Điện gió la Bang	Thu hồi cho vay	-	45.000.000.000
	Cho vay	-	28.000.000.000
	Cổ tức được chia	-	17.000.000.000
	Lãi cho vay	-	825.041.096

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan:

Các nghiệp vụ mua hàng với các bên liên quan được thực hiện trên cơ sở đàm phán hợp đồng.

Số dư các khoản phải thu tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 không cần bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Nhóm Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Nhóm Công ty (ngày 31 tháng 12 năm 2025: 0). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu với các bên liên quan như sau:

VND

Bên liên quan	*Số cuối kỳ*	*Số đầu kỳ*
***Phải thu về cho vay ngắn hạn** (Thuyết minh số 6)*		
Công ty Cổ phần Năng lượng VPL	68.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Hợp tác Phát triển Năng lượng Tái tạo VIJA	54.500.000.000	29.000.000.000
Công ty Cổ phần Điện TTC Đức Huệ - Long An	36.000.000.000	122.000.000.000
Công ty Cổ phần Năng lượng Điện Cao Nguyên	22.500.000.000	10.000.000.000
Công ty Cổ phần Nhà máy Điện Mặt trời Trúc Sơn	8.000.000.000	15.000.000.000
TỔNG CỘNG	**189.000.000.000**	**176.000.000.000**
***Phải thu về cho vay dài hạn** (Thuyết minh số 6)*		
Công ty Cổ phần Nhà máy Điện Mặt trời Trúc Sơn	80.000.000.000	80.000.000.000

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ủy ban kiểm toán và Ban Giám đốc:

VND

Tên	*Chức vụ*	*Thu nhập*	
		Kỳ này	*Kỳ trước*
Các khoản thù lao cho Hội đồng quản trị			
Ông Nguyễn Phong Phú	Chủ tịch *(*)*	190.952.381	180.000.000
Bà Nguyễn Thái Hà	Thành viên *(*)*	229.047.619	240.000.000
TỔNG CỘNG		**420.000.000**	**420.000.000**
Các khoản thù lao cho Ủy ban Kiểm toán			
Ông Võ Hoàng Vinh	Chủ tịch	180.000.000	180.000.000
Ông Lê Thái Bình	Thành viên	180.000.000	180.000.000
Ông Phạm Thành Tuấn Anh	Thành viên	180.000.000	180.000.000
TỔNG CỘNG		**540.000.000**	**540.000.000**
Thu nhập của Ban Giám đốc và các vị trí quản lý khác			
Ông Trần Danh Bảo	Giám đốc	355.680.000	318.882.000
Bà Châu Tiểu Phụng	Phó Giám đốc	109.008.000	85.410.000
Ông Lê Quang Quốc Dũng	Phó Giám đốc	171.967.863	130.521.758
Ông Nguyễn Tiến Bằng	Kế toán trưởng	221.336.000	200.672.000
TỔNG CỘNG		**857.991.863**	**735.485.758**

(*) Ông Nguyễn Phong Phú được bổ nhiệm làm Chủ tịch Hội đồng Quản trị thay thế cho bà Nguyễn Thái Hà từ ngày 28 tháng 5 năm 2026.

27. CÁC CAM KẾT

27.1 Cam kết thuê hoạt động

Nhóm Công ty hiện thuê văn phòng và các dịch vụ theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

VND

	Số cuối kỳ	*Số đầu kỳ*
Dưới 1 năm	134.400.000	73.920.000
Từ 1 đến 5 năm	201.600.000	-
TỔNG CỘNG	**336.000.000**	**73.920.000**

27. CÁC CAM KẾT (tiếp theo)

27.2 *Cam kết góp vốn*

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, Nhóm Công ty có cam kết góp vốn vào một số công ty như sau:

VND

	Số tiền cam kết sẽ góp	*Số tiền đã thực góp*	*Số tiền còn phải góp*
Công ty TNHH Năng Lượng GHC	299.980.000.000	74.500.000.000	225.480.000.000
Công ty TNHH Điện mặt trời Tân Phú Đông	99.980.000.000	74.000.000.000	25.980.000.000
Công ty TNHH Năng lượng Phong Hòa	60.600.000.000	-	60.600.000.000
TỔNG CỘNG	460.560.000.000	148.500.000.000	312.060.000.000

Theo quy định tại khoản 1, Điều 47 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020, các thành viên phải góp đủ số vốn góp đã cam kết khi đăng kí thành lập doanh nghiệp trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Tại ngày của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Nhóm Công ty đang trong quá trình hoàn tất góp đủ vốn điều lệ đã đăng ký cho các công ty này.

28. NGHĨA VỤ HOÀN NGUYÊN

Nhóm Công ty đang có một số hợp đồng thuê đất từ Nhà nước để phục vụ cho các dự án năng lượng của Nhóm Công ty. Theo như các điều khoản trong hợp đồng thuê đất, việc xử lý tài sản gắn liền tại các địa điểm thuê sau khi kết thúc hợp đồng này được thực hiện theo quy định pháp luật. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Nhóm Công ty đánh giá rằng nghĩa vụ tháo dỡ công trình, khôi phục và giải phóng mặt bằng liên quan đến các dự án năng lượng là chưa chắn chắn. Do đó, Nhóm Công ty chưa ghi nhận các khoản nghĩa vụ này do chưa thể ước tính một cách đáng tin cậy.

29. PHÂN LOẠI DỮ LIỆU TƯƠNG ỨNG THEO HƯỚNG DẪN CỦA THÔNG TƯ 99

Một số dữ liệu tương ứng của báo cáo tài chính đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày theo hướng dẫn của Thông tư 99 do lần đầu áp dụng *(Thuyết minh số 3.1.1)* trong kỳ hiện tại. Chi tiết như sau:

VND

	Số đầu kỳ (đã được trình bày trước đây)	*Trình bày lại*	*Số đầu kỳ (được trình bày lại)*
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ			
Phải thu về cho vay ngắn hạn	176.000.000.000	(176.000.000.000)	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	-	176.000.000.000	176.000.000.000
Phải thu về cho vay dài hạn	80.000.000.000	(80.000.000.000)	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	-	80.000.000.000	80.000.000.000

30. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 14/2026/NQ-HĐQT ngày 25 tháng 6 năm 2026 đã phê duyệt việc Nhóm Công ty góp vốn thành lập Công ty TNHH Năng lượng Phong Hòa ("Phong Hòa") với số tiền 60.600.000.000 VND chiếm 30% vốn điều lệ của Phong Hòa. Nhóm Công ty đã góp 30.300.000.000 VND vào ngày 9 tháng 7 năm 2026.

Ngoài sự kiện trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

Phê duyệt, ngày 20 tháng 8 năm 2026

NGƯỜI LẬP KIỂM KẾ TOÁN TRƯỞNG	GIÁM ĐỐC
Nguyễn Tiến Bằng	Trần Danh Bảo

EY | Building a better working world

EY is building a better working world by creating new value for clients, people, society and the planet, while building trust in capital markets.

Enabled by data, AI and advanced technology, EY teams help clients shape the future with confidence and develop answers for the most pressing issues of today and tomorrow.

EY teams work across a full spectrum of services in assurance, consulting, tax, strategy and transactions. Fueled by sector insights, a globally connected, multi-disciplinary network and diverse ecosystem partners, EY teams can provide services in more than 150 countries and territories.

All in to shape the future with confidence.

EY refers to the global organization, and may refer to one or more, of the member firms of Ernst & Young Global Limited, each of which is a separate legal entity. Ernst & Young Global Limited, a UK company limited by guarantee, does not provide services to clients. Information about how EY collects and uses personal data and a description of the rights individuals have under data protection legislation are available via ey.com/privacy. EY member firms do not practice law where prohibited by local laws. For more information about our organization, please visit ey.com.

© 2026 Ernst & Young Vietnam Limited. All Rights Reserved.

ey.com/en_vn

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỶ ĐIỆN GIA LAI

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN THUỶ ĐIỆN GIA LAI
DN: C=VN, L=GIA LAI, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN THUỶ ĐIỆN GIA LAI, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:5900288566, E=THUYDIENGIALAI@GMAIL.COM
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026-08-25 14:27:25
Foxit Reader Version: 9.1.0